TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2024/DS-ST
Ngày 30 – 9 – 2024
V/v yêu cầu phân chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Tạ Thanh Bự
Ông Lê Văn Chuộng
- Thư ký phiên toà: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm C1 khai vụ án dân sự thụ lý số: 286/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc "Yêu cầu phân chia di sản thừa kế và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng T, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Ấp Hoà H xã Tân T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp Thuận HA, xã Tân T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1948 (có mặt)
2. Anh Nguyễn Văn N (có mặt)
Cư trú tại: Ấp Hoà H, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.
3. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1972 (có mặt)
4. Chị Nguyễn Thị T2 (vắng mặt)
5. Chị Nguyễn Diệu H, sinh năm 1988 (có mặt)
6. Chị Nguyễn Kim N (vắng mặt)
7. Anh Nguyễn Văn H (vắng mặt)
8. Chị Võ Thị N1 (vắng mặt)
9. Anh Nguyễn Vũ T2, sinh năm 2002 (có mặt)
10. Anh Nguyễn Vũ C (vắng mặt)
11. Anh Nguyễn Thanh T3 (vắng mặt)
12. Anh Võ Phúc V, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp Thuận HA, xã Tân T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T trình bày:* Cha chị T là ông Nguyễn Tấn C1 có phần đất diện tích 22.127m^2, thửa đất số 27, tờ bản đồ số 17 toạ lạc tại ấp Thuận HA, xã Tân T, huyện Đầm Dơi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A201995 do Uỷ ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp ngày 14/02/1992. Ngày 11/9/2018 ông C1 chết có để lại di chúc lập ngày 19/8/2016 nội dung để lại toàn bộ phần đất nêu trên cho chị T được hưởng. Sau khi ông C1 qua đời mặc dù anh em trong gia đình cùng mẹ chị là bà Đặng Thị L đã đồng ý cho chị T hưởng phần đất theo di chúc ông C1 để lại nhưng ông H, ông N không đồng ý theo di chúc và ngăn cản chị T hưởng phần di sản của ông C1 nêu trên. Nay chị T yêu cầu công nhận di chúc của ông Nguyễn Tấn C1 lập ngày 19/8/2016 để chị được hưởng phần đất 22.127m^2 nêu trên, trên đất tranh chấp có một căn nhà của ông Nguyễn Tấn C1 và bà Đặng Thị L, bà L đang sống cùng chị Nguyễn Thị H và cháu là Trần Nguyễn Thảo Như; một căn nhà của chị Nguyễn Thị T1, chị T1 sống cùng chồng là anh Võ Phúc V và một căn nhà của anh Nguyễn Văn Tr, anh Tr đang sống cùng vợ là chị Võ Thị N1, các con là Nguyễn Vũ T2, Nguyễn Vũ C và Nguyễn Thanh T3.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày:* Trước đây chị có nH các thông báo của Toà án về việc chị T yêu cầu chia thừa kế phần đất 22.127m^2 theo di chúc của cha chị là ông Nguyễn Tấn C1, chị Thống nhất theo di chúc của ông C1. Ông C1 và bà L có cho chị cất một căn nhà ở trên đất vĩnh viễn cho đến khi chị qua đời, nhà cơ bản xây mặt gió, vách lá, lợp tol, chị đã ở 6 năm. Nay chị không có yêu cầu tách quyền sử dụng đất cho chị, chị đồng ý cho chị T đứng tên phần đất có nhà của chị, căn nhà khi nào chị qua đời thì giao cho chị T được hưởng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đặng Thị L trình bày: Thời điểm cách nay niều năm không nhớ năm nào, sau năm 1975 bà và chồng bà là ông Nguyễn Tấn C1 có khai phá phần đất rừng, lung bào khoảng hơn 40 C1, đất toạ lạc tại ấp Thuận HA, xã Tân T, huyện Đầm Dơi. Sau đó ông bà lên ranh trồng lúa, san lắp đắp nền, cất nhà (vị trí nhà như hiện nay bà đang ở). Vợ chồng bà canh tác đất từ năm 1978 đến năm 1992 thì kê khai được cấp quyền sử dụng đất lần đầu, diện tích 46.920m^2 do ông Nguyễn Tấn C1 đứng tên quyền sử dụng đất. Sau đó khi chuyển dịch sang nuôi trồng thuỷ sản vợ chồng bà có cho con là Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Tr mỗi người 10 công tầm lớn, Nguyễn Văn N được cho 20 công đất khác ở ấp Hoà H, xã Tân T, huyện Đầm Dơi, các phần đất này đã được cấp quyền sử dụng cho H, Tr, N, những người con của ông bà còn lại là T2, H, N đã có gia đình riêng nên không cho đất. Phần đất còn lại là 22.127m^2 ngày 19/8/2016 ông C1 lập di chúc cho con gái là Nguyễn Hồng T, di chúc có chứng thực của Uỷ ban nhân dân xã Tân T, thời điểm lập di chúc năm 2016 ông C1 sức khoẻ bình thường, hoàn toàn minh mẫn. Năm 2018 ông C1 chết thì chị T là người nuôi dưỡng bà L, T có thuê nhà ở Hộ Phòng nhưng vẫn thường xuyên đi và về chăm sóc bà khi nhà có việc hoặc ốm đau. Ngoài ra, T2, H, N, T1 cũng có phụ giúp nuôi dưỡng bà. Đối với di chúc của ông C1 lập vào ngày 19/8/2016 cho phần đất 22.127m^2 cho T thì có bàn bạc với bà, bà đồng ý vì T là người nuôi dưỡng, lo chi phí cho ông bà khi ốm đau và T cũng không có đất. Việc cho đất cho T để sau này bà và ông C1 già yếu thì vợ chồng T về ở canh tác đất để nuôi ông bà, việc cho đất cho T là do ông bà tự

nguyện, không ai ép buộc, khi C1 chứng di chúc tại xã Tân T do bà bị bệnh nên chỉ mình ông C1 là người trực tiếp đi. Nay bà vẫn giữ nguyên quan điểm cho chị T phần đất ông C1 đã lập theo di chúc. Trên đất có nhà của chị T1 thì ông C1 và bà cho cất ở đến khi T1 qua đời còn căn nhà của anh Tr ông bà cho cất ở tạm để cho con của Tr đi học, nay bà chưa yêu cầu gì. Tại phiên toà bà đồng ý tặng cho căn nhà của bà và ông C1, cống xổ, một mái che xuồng và một chuồng gà cho chị T được hưởng.

- *Anh Nguyễn Văn Tr trình bày:* Trước đây phần đất khoảng 12 công vuông của anh được ông C1, bà L cho không có đường xổ nước nên từ khi ông C1 và bà L cho đất cho anh cho đến nay anh đều xổ nước chuyền qua đường xổ chung với bà L. Ngoài ra, năm 2015 do phần đất của anh trước đó được ông C1, bà L cho ở phía sau hậu đất không có lộ, việc đi lại khó khăn nên ông C1 có cho con anh là Nguyễn Vũ T2 một nền nhà diện tích ngang 6m, dài 30m có sự chứng kiến của bà L và một số anh em trong gia đình và chính quyền địa phương. Năm 2017 anh cất nhà ở cùng với gia đình cho đến nay. Nay anh yêu cầu công nhận đường nước xổ có diện tích ngang 6m dài 10 công là đường xổ chung cho anh và chị T cùng sử dụng.

+ *Anh Nguyễn Văn N trình bày:* Từ trước đến nay anh không nghe ông C1 lập di chúc cho đất cho chị T, việc lập di chúc ông C1 không bàn bạc hay họp gia đình. Nay qua xem di chúc của ông C1 tại Toà án, anh N xác định không phải chữ ký của ông C1, ngoài ra trước đây ông C1 có cho con ông một nền nhà nhưng anh không có yêu cầu gì đối với chữ ký của ông C1 trong di chúc cũng như không có yêu cầu gì khác.

+ *Chị Nguyễn Diệu H và Nguyễn Kim N trình bày:* Các chị đồng ý theo di chúc của ông Nguyễn Tấn C1 lập vào năm 2016 cho chị Nguyễn Hồng T diện tích đất 22.127m^2, các chị không có yêu cầu gì đối với phần đất này.

+ *Anh Nguyễn Vũ T2 trình bày:* Năm 2015 ông nội của anh là ông Nguyễn Tấn C1 có cho anh một nền nhà diện tích ngang 6m, dài 30m, năm 2017 gia đình anh đã cất nhà ở cho đến nay. Nay anh yêu cầu công nhận phần đất nền nhà này thuộc quyền sở hữu của anh.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại không có ý kiến.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 658, 667 và 684 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nH yêu cầu khởi kiện phân chia di sản thừa kế theo di chúc của chị Nguyễn Hồng T, phân chia cho chị T được hưởng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 18.012m^2 và các tài sản trên đất gồm có một căn nhà của ông C1 và bà L, một chuồng nuôi gà của bà L, một mái che để xuồng máy. Giao cho chị T quản lý khu nhà mồ trên phần đất được tặng cho. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của anh T2, C1 nH cho anh T2 phần đất nền nhà có diện tích 178,7m^2. Công nhận đường nước xổ chung giữa chị T và anh Tr diện tích 3.844,9m^2.

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị T2, chị Võ Thị N1, anh Nguyễn Vũ C, anh Nguyễn Thanh T3, anh Võ Phúc V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguồn gốc đất và hàng thừa kế thứ nhất các đương sự trình bày là phù hợp nhau thể hiện: Phần đất các đương sự yêu cầu chia thừa kế là của ông Nguyễn Tấn C1 và bà Đặng Thị L tạo lập, ông C1 được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/02/1992 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A201995 diện tích 46.920m^2. Sau đó năm 2009 ông C1 bà L tặng cho các con là Nguyễn Văn H diện tích đất 11.929m^2, năm 2015 tặng cho Nguyễn Văn Tr diện tích đất 12.864m^2, phần đất còn lại là 22.127m^2 (theo đo đạc thự tế là 22.035m^2) ngày 19/8/2016 ông C1 lập di chúc tặng cho chị T có sự đồng ý của bà L. Ngày 11/9/2018 ông C1 chết, các đương sự yêu cầu phân chia di sản của ông C1, bà L nên thời hiệu chia thừa kế vẫn còn theo quy định của Bộ luật Dân sự. Về hàng thừa kế của ông C1 gồm có vợ là bà Đặng Thị L, các con của ông C1, bà L là anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn Tr, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị T2, chị Nguyễn Diệu H, chị Nguyễn Kim N, chị Nguyễn Hồng T, chị Nguyễn Thị T1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C1.

Xét di chúc của ông Nguyễn Tấn C1 lập vào ngày 19/8/2016 thấy rằng: Về hình thức của di chúc được lập thành văn bản, có chứng thực theo quy định tại Điều 627, 628 của Bộ luật dân sự nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Mặc dù, diện tích đất 22.035m^2 là tài sản chung của ông C1 và bà L nên ông C1 chỉ có quyền định đoạt ½ tài sản; phần di sản của bà L là ½ diện tích đất tương ứng diện tích đất 11.017,5m^2 thì ông C1 không có quyền định đoạt để lập di chúc. Do đó, di chúc của ông C1 chỉ có hiệu lực ½ theo quy định tại Điều 643 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bà L xác định tại thời điểm ông C1 lập di chúc tặng cho đất cho chị T thì ông C1 cũng có bàn bạc và được sự đồng ý của bà và hiện nay bà vẫn đồng ý theo di chúc này. Đối với chị T1, chị H, chị N, anh Tr cũng đồng ý theo di chúc của ông C1 cho chị T được hưởng phần đất đã được ông C1 tặng cho, những người con còn lại của ông C1, bà L không có ý kiến gì khác. Ngoài ra, trên đất có căn nhà của bà L và ông C1, bà L, chị T1, anh Tr, bà L đồng ý tặng cho chị T được hưởng.

Do đó, nhằm để giải quyết triệt để vụ án và không thể tách rời yêu cầu của đương sự nên ghi nhận sự tự nguyện của bà L tặng cho chị T diện tích đất 6.994.5m^2 (là diện tích đất sau khi trừ đi diện tích đất nền nhà chị T đồng ý tặng cho anh T2 là 178,7m^2 và đường xổ chung của chị T và anh Tr là 3.844,9m^2) và một căn nhà của ông C1, bà L cất trên đất diện tích 189,6m^2 kèm theo một cống xổ, một mái che xuống và một chuồng gà là phù hợp. Các tài sản nêu trên bà L, chị T đang quản lý và sử dụng nên tiếp tục giao cho chị T được hưởng và sử dụng.

Đối với đường nước xổ, bà L đồng ý tặng cho chị T. Chị T và anh Tr xác định phần đất anh Tr không có đường nước xổ nước và từ trước đến nay vẫn dùng làm đường xổ chung để thoát nước. Tại phiên toà, chị T và anh Tr vẫn thống nhất giữ nguyên đường xổ chung này sử dụng để Cnh tác nuôi trồng thủy sản. Xét thấy, đường xổ này là thuận tiện cho các đương sự cùng nhau sử dụng để thoát nước phục vụ cho việc nuôi trồng thuỷ sản. Do đó, chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Tr, tuyên bố đường xổ nước này là tài sản thuộc sở hữu chung của chị T và anh Tr là phù hợp.

Đối với phần đất nền ngang 6m dài 30m tổng diện tích 178,7m^2 và căn nhà của anh Tr cất cho con là T2 cùng gia đình anh Tr đang ở, anh T2 yêu cầu được hưởng nền nhà này. Tại phiên toà, chị T đồng ý tặng cho cháu T2 và đồng ý tách quyền sử dụng đất nền nhà này, còn bà L xác định đất đã tặng cho chị T theo di chúc nên chị T có quyền định đoạt. Do đó, chấp nhận yêu cầu độc lập của anh T2, giao cho anh T2 được hưởng diện tích đất này.

Đối với căn nhà của chị T1 cất trên đất. Xét thấy bà L, chị T thống nhất cho chị T1 ở trên đất, chị T1 cũng không có yêu cầu gì đối với căn nhà này nên không đặt ra xem xét.

Đối với khu mộ có trên đất có diện tích 46,1m^2, tại phiên Toà các đương sự đồng ý giao cho chị T được đứng tên quyền sử dụng và quản lý khu mộ, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được ghi nhận.

[3] Từ các nhận định trên, xét yêu cầu của các đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí chị T, anh Tr, anh T2 phải chịu theo quy định. Chị T có đơn xin giảm án phí nên được xét giảm ½ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 623, 627, 628, 643, 650, 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T.

Tuyên bố di chúc của ông Nguyễn Tấn C1 lập vào ngày 19/8/2016 có hiệu lực pháp luật ½. Phân chia cho chị Nguyễn Hồng T được hưởng thừa kế phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 11.0175m^2.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị L tặng cho chị Nguyễn Hồng T diện tích đất 6.994,5m^2 và một căn nhà bê tông cốt thép, xây tường, mái lợp tiploxi măng, nền lót gạch trên phần đất có diện tích 189.6m^2, kèm theo một cống xổ, một mái che xuống và một chuồng gà trên đất. Tổng diện tích đất chị Nguyễn Hồng T được hưởng là 18.012m^2 gồm hai phần đất:

- Phần đất thứ nhất: Gồm các điểm M1M2M16M17M18M19, có các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp đường xổ chung, phía Tây giáp đất anh Trương Thanh Vững;

phía Nam giáp đất anh Nguyễn Tấn Liệt và Trần Quang Chiều; phía Bắc giáp đất anh Nguyễn Văn Tr.

- Phần đất thứ hai: Gồm các điểm M5M6M7M20M21M10M11M22M23, có các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp giáp đường ô tô về xã T3 Thuận; phía Tây giáp đất anh Nguyễn Văn H; phía Nam giáp con kênh (đường xổ nước); phía Bắc giáp nền nhà của anh Nguyễn Vũ T2 và anh Nguyễn Văn H.

Các tài sản nêu trên bà L, chị T đang quản lý và sử dụng nên tiếp tục giao cho chị T được hưởng và sử dụng. Giao cho chị Nguyễn Hồng T được quản lý khu mộ trên đất.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Vũ T2, phân chia cho anh Nguyễn Vũ T2 được hưởng diện tích đất nền nhà ngang 6m dài 30m, tổng diện tích 178,7m^2. Gồm các điểm: M7M8M9M10M21M20, có các phía tiếp giáp: phía Đông giáp đường ô tô về xã T3 Thuận; phía Tây và phía Nam giáp phần đất bà L đang sử dụng (đã tặng cho chị T); phía Bắc giáp đất anh Nguyễn Văn H.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn Tr, công nhận phần đất là một con kênh (đường xổ nước) có diện tích 3.844.9m^2, gồm các điểm: M2M3M4M5M23M22M11M12M13M14M15M16, có các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp kinh Bồn Bồn (Rạch Láng Giá); phía Tây giáp đất bà L đang sử dụng (đã tặng cho chị T); phía Nam giáp đất ông Nguyễn Tấn Liệt; phía Bắc một đoạn giáp đất anh Nguyễn Văn Tr, một đoạn giáp đất anh Nguyễn Văn H, một đoạn giáp đất bà L đang sử dụng (đã tặng cho chị T) là tài sản thuộc sở hữu chung của chị Nguyễn Hồng T và anh Nguyễn Văn Tr.

Các phần đất được phân chia và đường xổ nước nêu trên thuộc thửa đất 50, tờ bản đồ số 7 do ông Nguyễn Tấn C1 đứng tên quyền sử dụng toạ lạc tại ấp Thuận HA, xã Tân T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo là Mãnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 24/9/2024 của C1 ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tài nguyên và môi T2 Dâng Phong).

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ chị Nguyễn Hồng T phải chịu 36.269.122 đồng, chị T đã dự nộp và đối chiếu xong. Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 3.496.205 đồng, anh Tr đã dự nộp 300.000 đồng, anh Tr còn phải nộp tiếp 3.196.205 đồng, anh Nguyễn Vũ T2 phải chịu 328.848 đồng. Buộc anh Nguyễn Văn Tr và anh Nguyễn Vũ T2 phải nộp số tiền này tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả lại cho chị Nguyễn Hồng T khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng anh Nguyễn Văn Tr và anh Nguyễn Vũ T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng T phải chịu 30.932.809 đồng. Chị T có đơn xin giảm án phí và được xét giảm án phí theo quy định. Chị Nguyễn Hồng T đã dự nộp 7.638.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001154 ngày 10/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu đối trừ, chị T còn phải nộp tiếp số tiền là 23.294.809 đồng. Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 7.497.555 đồng, anh Nguyễn Vũ T2 phải chịu 696.930 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nH được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nH:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Biện Thị Nhung